

Số: 639/BCT-TTTN

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

*V/v điều hành kinh doanh  
xăng dầu*

***Kính gửi: - Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu;  
- Các thương nhân phân phối xăng dầu.***

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 95/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2021/TT-BCT);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Thông tư số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Tài chính - Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 90/2016/TTLT-BTC-BCT);

Căn cứ Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 103/2021/TT-BTC);

Căn cứ Thông tư số 104/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành trong công thức giá cơ sở xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 104/2021/TT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Công văn số 4098/VPCP-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về điều hành kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài chính số 3910/BTC-QLG ngày 04 tháng 4 năm 2018 về công bố giá cơ sở xăng RON95, số 367/BTC-QLG ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tính giá cơ sở xăng RON95, số 404/BTC-QLG ngày 17 tháng 4 năm 2018 về công bố giá cơ sở mặt hàng xăng RON95;

Căn cứ Công văn số 1134/VPCP-KTTH ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về công bố giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn;

Căn cứ Công văn số 14008/BTC-QLG ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính về thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 320/BTC-QLG ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc thông báo chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam, premium trong nước và chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng;

Căn cứ Công văn số 143/BTC-QLG ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính tham gia ý kiến phương án điều hành kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ thực tế diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 12 tháng 02 năm 2023 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở, hướng dẫn quy định tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, Thông tư số 17/2021/TT-BCT, Thông tư số 103/2021/TT-BTC, Thông tư số 104/2021/TT-BTC;

Bộ Công Thương công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

| Mặt hàng                 | Giá cơ sở kỳ trước liền kề, ngày1<br>30/01/2023<br>(đồng/lít,kg) | Giá cơ sở kỳ công bố2<br>(đồng/lít,kg) | Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề |                   |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|
|                          |                                                                  |                                        | (đồng/lít,kg)                                                       | (%)               |
|                          | (1)                                                              | (2)                                    | (3)=(2)-(1)                                                         | (4)=[(3):(1)]x100 |
| 1. Xăng E5RON92          | 23.179                                                           | 22.869                                 | -310                                                                | -1,34             |
| 2. Xăng RON95-III        | 24.097                                                           | 23.767                                 | -330                                                                | -1,37             |
| 3. Dầu diesel 0.05S      | 22.524                                                           | 21.562                                 | -962                                                                | -4,27             |
| 4. Dầu hỏa               | 22.576                                                           | 21.594                                 | -982                                                                | -4,35             |
| 5. Dầu Madút 180CST 3.5S | 13.934                                                           | 13.636                                 | -298                                                                | -2,14             |

Trước những diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính quyết định:

## **1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu**

### **1.1. Trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu**

- Xăng E5RON92: 0 đồng/lít;
- Xăng RON95: 0 đồng/lít;
- Dầu diesel: 600 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 200 đồng/lít;
- Dầu madút: 200 đồng/kg.

### **1.2. Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu**

- Xăng E5RON92: 0 đồng/lít;
- Xăng RON95: 0 đồng/lít;
- Dầu diesel: 0 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 0 đồng/lít;
- Dầu madút: 0 đồng/kg.

## **2. Giá bán xăng dầu**

Sau khi thực hiện việc trích lập, không chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng E5RON92: không cao hơn 22.869 đồng/lít;
- Xăng RON95-III: không cao hơn 23.767 đồng/lít;
- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn 21.562 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn 21.594 đồng/lít;
- Dầu madút 180CST 3.5S: không cao hơn 13.636 đồng/kg.

## **3. Thời gian thực hiện**

- Trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 15 giờ 30' ngày 13 tháng 02 năm 2023.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu quy định nhưng không muộn hơn 15 giờ 30' ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với các mặt hàng giảm giá, không sớm hơn 15 giờ 30' ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với các mặt hàng tăng giá.

- Kể từ 15 giờ 30' ngày 13 tháng 02 năm 2023, là thời điểm Bộ Công Thương công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này cho đến trước ngày Bộ Công Thương công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP; Thông tư số 17/2021/TT-BCT, Thông tư số 103/2021/TT-BTC, Thông tư số 104/2021/TT-BTC.

**4. Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường của các thương nhân kinh doanh xăng dầu và sẽ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nếu có.**

Bộ Công Thương thông báo các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Công Thương, Bộ Tài chính để giám sát theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Tổng cục Quản lý thị trường (BCT);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam;
- Lưu: VT, TTTN.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**Hoàng Anh Tuấn**

---

1 Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu 0 đồng/lít xăng E5, 0 đồng/lít xăng RON95, 200 đồng/lít dầu diesel, 200 đồng/lít dầu hỏa, 200 đồng/kg dầu madút.

2 Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu 0 đồng/lít xăng E5, 0 đồng/lít xăng RON95, 600 đồng/lít dầu diesel, 200 đồng/lít dầu hỏa, 200 đồng/kg dầu madút.

**Giá thành phẩm xăng dầu thế giới \***

*(30/01/2023 - 12/02/2023)*

| TT | Ngày         | X92                  | X95                   | Dầu<br>hoả            | Do0,05                | FO<br>3,5S            | VCB<br>mua CK           | VCB bán                 |
|----|--------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1  | 30-1-23      | 99.600               | 103.020               | 117.260               | 115.020               | 402.840               | 23,280.00               | 23,620.00               |
| 2  | 31-1-23      | 97.400               | 100.820               | 114.380               | 111.570               | 393.090               | 23,280.00               | 23,620.00               |
| 3  | 1-2-23       | 98.950               | 101.960               | 118.510               | 115.500               | 397.290               | 23,280.00               | 23,620.00               |
| 4  | 2-2-23       | 95.760               | 99.110                | 112.900               | 108.890               | 378.750               | 23,280.00               | 23,620.00               |
| 5  | 3-2-23       | 95.220               | 98.400                | 111.860               | 107.590               | 364.220               | 23,280.00               | 23,620.00               |
| 6  | 4-2-23       | -                    | -                     | -                     | -                     | -                     | -                       | -                       |
| 7  | 5-2-23       | -                    | -                     | -                     | -                     | -                     | -                       | -                       |
| 8  | 6-2-23       | 92.180               | 95.360                | 106.670               | 102.910               | 360.370               | 23,280.00               | 23,640.00               |
| 9  | 7-2-23       | 96.640               | 99.820                | 106.330               | 102.570               | 373.020               | 23,280.00               | 23,790.00               |
| 10 | 8-2-23       | 98.660               | 101.460               | 109.950               | 106.520               | 385.050               | 23,280.00               | 23,770.00               |
| 11 | 9-2-23       | 98.310               | 101.670               | 109.300               | 106.490               | 397.540               | 23,280.00               | 23,730.00               |
| 12 | 10-2-23      | 97.390               | 100.750               | 105.980               | 103.320               | 400.720               | 23,280.00               | 23,745.00               |
| 13 | 11-2-23      | -                    | -                     | -                     | -                     | -                     | -                       | -                       |
| 14 | 12-2-23      | -                    | -                     | -                     | -                     | -                     | -                       | -                       |
|    | <b>Bquân</b> | <b><u>97.011</u></b> | <b><u>100.237</u></b> | <b><u>111.314</u></b> | <b><u>108.038</u></b> | <b><u>385.289</u></b> | <b><u>23,280.00</u></b> | <b><u>23,677.50</u></b> |

\* Giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày (MOP's: Mean of Platt of Singapore) được công bố bởi Hãng tin Platt's (Platt Singapore).

\*\* Xăng RON92 là xăng nền để pha chế xăng E5RON92.